

Số: 382/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Kim, huyện Lục Ngạn,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2025**

SỞ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ QUẢN LÝ KINH ĐÔ
CÔNG VĂN ĐẾN
SỐ M 89/KH
CHUYỂN 08/4.04

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 51/BC-SXD ngày 26 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Kim, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, với nội dung sau:

1. Phạm vi và ranh giới:

a) *Vị trí, ranh giới nghiên cứu:*

Khu vực lập quy hoạch chung thị trấn Kim thuộc địa phận xã Phương Sơn, huyện Lục Ngạn bao gồm các thôn: Kim 1, Kim 2, Kim 3, Phương Khanh, Hạ Mã, Mào Gà, thôn Chi và một phần thôn Cầu Đất. Ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: Giáp xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn và xã Đông Hưng, huyện Lục Nam;

+ Phía Nam: Giáp sông Lục Nam;

+ Phía Đông: Giáp thôn Cầu Đất, xã Phương Sơn;

+ Phía Tây: Giáp thôn Cầu Từ, xã Phương Sơn.

b) *Diện tích nghiên cứu quy hoạch:* khoảng 641,51ha.

2. Tính chất:

Là trung tâm kinh tế - văn hóa và dịch vụ phía Tây của huyện Lục Ngạn, đóng vai trò thúc đẩy phát triển KTXH của huyện và các xã lân cận; là khu vực sản xuất TTCN; đầu mối giao lưu hàng hóa và là Đô thị vệ tinh phía Tây của thị xã Chũ.

3. Quy mô dân số:

- Giai đoạn đến năm 2020: khoảng 8.500 -8.800 người;

- Giai đoạn đến năm 2025: khoảng 12.800 -13.100 người.

4. Cơ cấu sử dụng đất:

TT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất dân dụng	278,70	43,44
1	Đất cơ quan hành chính	1,50	0,23
2	Đất công cộng, dịch vụ	11,96	1,86
3	Đất y tế	0,94	0,15
4	Đất giáo dục	9,23	1,43
5	Đất cây xanh, mặt nước, TĐTT	29,16	4,55
6	Đất khu nhà ở	188,07	29,32
7	Giao thông thị trấn	37,22	5,80
8	Đình chùa, di tích lịch sử	0,62	0,10
B	Đất ngoài dân dụng	78,95	12,31
1	Đất tiểu thủ công nghiệp	4,03	0,63
2	Đất giao lưu hàng hóa	2,52	0,39
3	Mặt nước tự nhiên	45,53	7,10
4	Đất các công trình đầu mối HTKT	7,06	1,10
5	Đất an ninh quốc phòng	5,48	0,85
6	Đất giao thông đối ngoại	13,60	2,13
7	Cây xanh cách ly	0,73	0,11
C	Đất nông lâm nghiệp	283,86	44,25
1	Đất nông nghiệp	229,77	35,82
2	Đất lâm nghiệp	54,09	8,43
	Tổng cộng	641,51	100,00

5. Định hướng phát triển không gian:

a) Hướng phát triển, mở rộng đô thị:

Hướng phát triển của thị trấn Kim là phát triển mở rộng sang hai bên tuyến Quốc lộ 31.

- Trên cơ sở trục không gian chính là Quốc lộ 31, mở các tuyến giao thông chính đô thị liên khu vực song song và vuông góc với trục không gian chính này, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn theo kiểu ô cờ và linh hoạt, liên kết toàn bộ các khu vực chức năng của đô thị;

- Các quỹ đất xây dựng nằm gần tuyến Quốc lộ 31 được sử dụng dụng triệt để để phát triển các công trình công cộng, thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và các khu vực nhà ở đô thị;

- Các quỹ đất còn lại phía Nam khu vực quy hoạch (thôn Chẽ) dự kiến xây dựng các dạng nông trại kết hợp với khu vực mặt nước sông Lục Nam và địa hình tự nhiên sinh thái hiện có.

b) Hệ thống các trung tâm đô thị:

- Trung tâm thị trấn Kim: Được xây dựng mới tại khu vực quy hoạch, phía Bắc Quốc lộ 31 và kết nối với hồ hiện có tại phía Bắc thị trấn. Bố trí đầy đủ các công trình công cộng, thương mại dịch vụ cấp thị trấn và đất dự trữ phát triển các loại công trình công cộng khác tại khu vực này;

- Trung tâm các khu nhà ở: Mỗi khu nhà ở đều có một trung tâm công cộng phục vụ cho nhu cầu của người dân từng khu vực, bao gồm các công trình như nhà văn hóa, vườn hoa kết hợp với các sân thể thao, chợ...

6. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

** Giao thông đối ngoại:*

Do điều kiện thực tế Quốc lộ 31 đi qua khu vực thị trấn Kim khó có khả năng mở rộng hay làm đường gom, vì vậy đề án bố trí 1 tuyến giao thông có chức năng như đường vành đai đi qua phía Bắc thị trấn, song song với quốc lộ 31, chiều rộng lộ giới 21m.

Quốc lộ 31: Mặt cắt 1-1. Có lộ giới 30,0m, trong đó lòng đường 15,0m, vỉa hè 2 bên $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$.

** Giao thông đối nội:*

- Đường chính đô thị: Mặt cắt 2-2. Chiều rộng lộ giới 40,0m, trong đó lòng đường $11,25 \times 2 = 22,5\text{m}$, vỉa hè 2 bên $7,5 \times 2 = 15,0\text{m}$, dải phân cách 2,5m;

- Đường khu vực:

+ Mặt cắt 3-3. Chiều rộng lộ giới 21,0m, trong đó lòng đường 11,0m, vỉa hè 2 bên $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$;

+ Mặt cắt 4-4. Chiều rộng lộ giới 17,5m, trong đó lòng đường 7,5m, vỉa hè 2 bên $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$.

b) San nền:

Cao độ các khu vực đã phát triển giữ nguyên theo nền hiện trạng. Cao độ các khu vực phát triển mới được thiết kế phù hợp cao độ đường, điều kiện địa hình và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật, hài hòa với khu vực đã phát triển. Cao độ thiết kế thấp nhất của đô thị là +6,5m, cao nhất là +54,0m.

c) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được phân chia thành 4 lưu vực thoát nước theo nguyên tắc tự chảy ra sông Lục Nam.

+ Lưu vực 1: Phía Tây Bắc núi Con Phượng, thoát về hồ nước và suối phía Bắc khu vực quy hoạch, sau đó thoát ra sông Lục Nam;

+ Lưu vực 2: Phía Đông Bắc núi Con Phượng, thoát về suối ở giữa lưu vực và thoát ra sông Lục Nam;

+ Lưu vực 3: Phía Đông khu vực quy hoạch, thoát ra suối phía Đông ranh giới quy hoạch sau đó thoát ra sông Lục Nam;

+ Lưu vực 4: Phía Nam và Đông Nam núi Con Phượng, thoát ra sông Lục Nam bao quanh.

- Hệ thống thoát nước các tuyến đường giao thông chính đô thị: Sử dụng các tuyến cống hộp B(800-1.000) x H(1.000-1200) kết hợp cống tròn BTCT ngầm D1.000-2.000mm, $I_{min}=1/D$.

d) Thoát nước bản:

- Trạm xử lý nước thải: Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tại phía Tây thị trấn cách xa khu dân cư, diện tích 1,0ha, công suất 2.400m³/ngày-đêm. Nước thải sau xử lý đạt TCVN 7222 -2002 mới được xả ra mương thoát rồi thoát ra sông Lục Nam;

- Nguyên tắc thu gom và xử lý: Nước thải sinh hoạt, công trình công cộng phải được xử lý cục bộ tại từng công trình sau đó mới thoát ra hệ thống chung. Nước thải TTCN phải được xử lý riêng đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thoát ra hệ thống chung;

- Mạng lưới đường ống: D300-600mm, $I_{min}=1/D$. Xây dựng thêm các trạm bơm chuyên bậc để đảm bảo việc thoát nước;

- Sơ đồ hệ thống thoát nước thải sinh hoạt như sau: bể tự hoại → cống thoát nước chung → trạm bơm chuyên bậc → trạm xử lý nước thải → kiểm tra chất lượng → xả ra môi trường.

e) Cấp nước:

- Nguồn cấp: Từ nguồn nước mặt sông Lục Nam, xây dựng 01 trạm cấp nước tại phía Tây thị trấn, diện tích 0,5ha, công suất 2.700m³/ngày-đêm;

- Mạng lưới đường ống: Tuyến cấp nước truyền dẫn D250mm và các tuyến cấp nước trục chính D110-150mm. Ống chôn sâu 0,5-0,7m, đoạn qua đường chôn sâu 1,0m;

- Cấp nước cứu hỏa: Được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt, theo nguyên tắc cấp nước chữa cháy áp lực thấp.

g) Cấp điện:

- Nguồn cấp: Được lấy từ trạm trung gian 35(22)/10kV Lục Ngạn chạy theo Quốc lộ 31;

- Lưới điện trung thế 35(22)kV và các trạm biến áp 35(22)/0,4kV: Cải tạo tuyến điện trung thế quốc gia 35kV theo tuyến quốc lộ 31 mở rộng, về lâu dài chuyển thành tuyến 22kV-3AC185mm². Từ tuyến điện này bố trí các các lộ 35(22)kV thị trấn đi ngầm XLPE3x(70-120mm²) tới các trạm biến áp hạ thế 35(22)/0,4kV (công suất 250 đến 560KVA) phân bố đều trong khu vực;

- Lưới điện hạ áp 0,4kV: Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên. Sẽ cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ. Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện;

- Mạng lưới chiếu sáng: Tất cả các tuyến đường đô thị đều được chiếu sáng vào ban đêm. Các lộ cáp chiếu sáng xuất tuyến theo lộ cáp sinh hoạt, sử dụng cáp

vận xoắn XLPE(AC-3x25mm²).

h) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Quản lý chất thải rắn: Bố trí 12 điểm tập kết rác phân bố đều trong khu vực quy hoạch. Hợp đồng với các tổ chức quản lý Môi trường đô thị để thu gom và vận chuyển rác đến khu xử lý rác thải chung của huyện Lục Ngạn;

- Nghĩa trang: Các nghĩa trang hiện có ngừng phát triển. Trước mắt bố trí cây xanh cách ly đảm bảo môi trường với các khu vực chức năng khác của đô thị. Về lâu dài, các nghĩa trang này sẽ được di chuyển về khu vực nghĩa trang tập trung và cải tạo các nghĩa trang hiện có thành công viên cây xanh.

i) Đánh giá môi trường chiến lược:

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, việc đầu tư xây dựng thị trấn Kim không chỉ nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần, môi trường cho nhân dân mà còn là động lực thúc đẩy kinh tế toàn huyện Lục Ngạn phát triển.

7. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:

- Xây dựng mới các công trình công cộng cấp thị trấn;
- Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 31;
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm giao thông, cấp thoát nước, cấp điện, vệ sinh môi trường cho các khu vực xây dựng mới.

8. Các nội dung khác: Theo Báo cáo số 51/BC-SXD ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Sở Xây dựng.

Điều 2. UBND huyện Lục Ngạn có trách nhiệm công bố, quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Lục Ngạn và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *N*

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CN.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PTC UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT,
- + TPKT, XD, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn

Lại Thanh Sơn